

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: TOÁN
KHỐI: 6

I. PHẦN 1: NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Số học: Từ đầu đến hết bài phép trừ số nguyên.

Hình học: Chương III – Hình học trực quan

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nêu quy tắc nhân, chia 2 lũy thừa cùng cơ số, thứ tự thực hiện phép tính.

Câu 2: Nhận biết số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

Câu 3: Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.

Câu 4: Tính chất chia hết một tổng, một tích.

Câu 5: Thế nào là ƯC, BC, ƯCLN, BCNN. Nêu cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN, cách tìm BC thông qua tìm BCNN. Nêu cách tìm ƯCLN, BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

Câu 5: Các phép tính cộng và trừ trong tập hợp số nguyên

Câu 6: Nhận biết được các hình trực quan, nêu được công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.

Câu 7: Nhận biết các hình tính trục đối xứng và tâm đối xứng.

II. PHẦN 2: MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

A. Trắc nghiệm:

Câu 1: Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 40 và chia hết cho 7:

A. $\{7;14;21;28;35\}$.

B. $\{0;7;21;14;28;35\}$.

C. $\{0;7;14;21;35;42\}$.

D. $\{0;7;14;21;28;42\}$.

Câu 2: Nếu $A = 12x + 21$ thì:

A. $A:2$.

B. $A:3$.

C. $A:7$.

D. $A:4$.

Câu 3: Trong hai số sau, hai số nào là hai số nguyên tố cùng nhau?

A. 5 và 6.

B. 5 và 10.

C. 12 và 15.

D. 13 và 26.

Câu 4: Tìm số tự nhiên x biết rằng $x:12, x:21, x:28$ và $150 < x < 200$

A. 152.

B. 164.

C. 168.

D. 184.

Câu 5: Phân tích số 90 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả là:

A. 9.10

B. $3^2.10$

C. $2.3^2.5$.

D. $2.5.9$.

Câu 6: Nhiệt độ tại Mát – xơ – va vào buổi sáng đo được là -5°C . Hỏi nhiệt độ buổi chiều cùng ngày là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 3°C so với buổi sáng?

A. 2°C

B. -8°C

C. -2°C

D. 8°C

Câu 7: Tuổi thọ của nhà bác học Ác – si – mét là bao nhiêu, biết rằng ông sinh năm 287 trước công nguyên và mất năm 212 trước công nguyên.

- A. - 75 B. 75 C. 87 D. 99

Câu 8: Số tự nhiên a lớn nhất thỏa mãn $60 \vdots a$ và $165 \vdots a$ là:

- A. 15. B. 30. C. 45. D. 60.

Câu 9: Cho $a = 2^2 \cdot 3$; $b = 3 \cdot 5^2$; $c = 5^2$. Khi đó $BCNN(a, b, c)$ là:

- A. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$. B. $2^2 \cdot 3 \cdot 3 \cdot 5^2$. C. $2^2 \cdot 3 \cdot 5^2$. D. 1.

Câu 10: Cho các số: -2; -17; 2; 0; 5; -1 được xếp theo thứ tự giảm dần là:

- A. -1; -2; -17; 0; 2; 5. B. -17; -1; -2; 0; 2; 5 C. 5; 2; 0; -1; -2; -17 D. -17; -2; -1; 0; 2; 5.

Câu 11: Trong các phát biểu sau đây phát biểu nào đúng?

- A. Tổng của hai số nguyên cùng dấu là một số nguyên âm.
B. Tổng của hai số nguyên âm làm một số nguyên âm.
C. Tổng của hai số nguyên cùng dấu là một số nguyên dương.
D. Tổng của hai số nguyên dương là một số nguyên âm.

Câu 12: Tổng các số nguyên x thỏa mãn $-7 < x \leq 8$ là:

- A. 0. B. 7. C. 8. D. 15.

Câu 13: Để di chuyển giữa các tầng của tòa nhà cao tầng, người ta sử dụng thang máy. Tầng có mặt sàn là mặt đất được gọi là tầng G. Tầng dưới tầng G lần lượt là tầng B1, B2,... Người ta biểu diễn vị trí tầng G là 0, tầng B1 là - 1, tầng B2 là - 2. Bạn Hà đang ở tầng B2, sau đó thang máy đi lên 5 tầng rồi đi xuống 2 tầng. Số nguyên biểu thị vị trí tầng của bạn Hà khi kết thúc hành trình là:

- A. - 5 B. 9 C. 5 D. 1

Câu 14: Tập hợp ước chung của 9 và 15

- A. $\{1; 3\}$. B. $\{0; 3\}$. C. $\{1; 5\}$. D. $\{1; 3; 9\}$.

Câu 15: Học sinh lớp 6D khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 6, hàng 8 đều vừa đủ hàng. Biết số học sinh lớp đó trong khoảng từ 40 đến 60. Số học sinh của lớp 6D là:

- A. 48. B. 54. C. 60. D. 72.

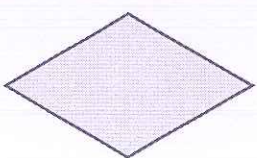
Câu 16: Cho hình thang cân có 2 cạnh đáy có độ dài lần lượt là 6cm và 10cm. Cạnh bên có độ dài bằng 7cm. Chu vi của hình thang trên là:

- A. 23cm B. 29cm C. 33cm D. 30cm

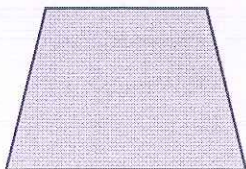
Câu 17: Diện tích hình chữ nhật $DEFG$ biết độ dài hai cạnh $DE = 6cm$ và $EF = 8cm$ là:

- A. $14cm^2$ B. $28cm^2$ C. $48cm^2$ D. $96cm^2$

Câu 18: Trong các hình sau, hình có trục đối xứng là



Hình a



Hình b



Hình c



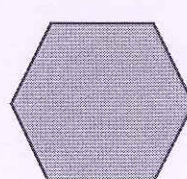
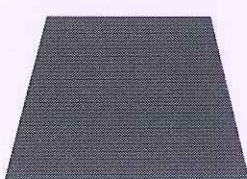
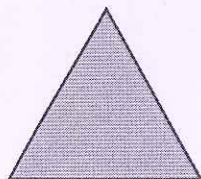
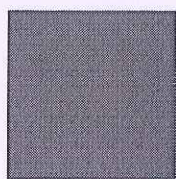
Hình d

A. Hình a, b, c

B. Hình a, b, d

C. Hình a, c, d

D. Hình b, c, d

Câu 19: Trong các hình sau, hình có tâm đối xứng là:

A. Hình vuông, tam giác đều, hình thang cân

B. Hình vuông, lục giác đều, hình bình hành

C. Hình vuông, hình thang cân, lục giác đều

D. Tam giác đều, lục giác đều, hình bình hành

Câu 20: Cho hình bình hành có $S = 48\text{cm}^2$ và chiều cao $h = 12\text{ cm}$ thì độ dài cạnh a là :

A. 4cm

B. 8cm.

C. 2cm.

D. 16cm.

B. Tự luận:**Bài 1.** Thực hiện các phép tính (tính nhanh nếu có thể)

$$A = 3 \cdot 4^2 + 2^6 : 2^4$$

$$B = 5^5 : 5^3 - 3^2 \cdot 2 + 2^3 \cdot 2^2$$

$$C = 2^2 \cdot 3 - (1^{10} + 8) : 3^2$$

$$F = 5^2 \cdot 4^2 + 25 \cdot 16$$

$$D = 24 \cdot 93 + 6 \cdot 68 \cdot 4 - 24 \cdot 61$$

$$M = 17 \cdot 25 + 77 \cdot 17 - 34$$

Bài 2. Thực hiện các phép tính sau một cách hợp lý:

a) $[461 + (-78) + 40] + (-461)$

b) $[53 + (-76)] - [-76 - (-53)]$

c) $-564 + [(-724) + 564 + 224]$

d) $-87 + (-12) - (-487) + 512$

e) $942 - 2567 + 2563 - 1942$

f) $-2005 + (-21 + 75 + 2005)$

g) $17 + (-20) + 23 + (-26) + \dots + 53 + (-56)$

g) $1152 - (374 + 1152) + (-65 + 374)$

Bài 3. Tìm số tự nhiên x , biết:

a) $15 + 2x = 5^{10} : 5^8$

b) $48 : x + 17 = 33$

c) $7^{2x-6} = 49$

d) $(9x + 2) \cdot 5 + 28 = 83$

e) $x : 15; x : 20$ và $50 < x < 70$

g) $30 : x; 45 : x$ và $x > 10$

Bài 4. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết:

a) $3 - (17 - x) = 289 - (36 + 289)$

b) $25 + (x - 5) = -415 - (15 - 415)$

c) $(-x) + (-62) + (-46) = -14$

d) $484 + x = -632 + (-548)$

Bài 5: Một chuyến hàng ủng hộ miền Trung có 300 thùng mì tôm, 240 thùng nước ngọt và 420 lốc sữa. Các cô chú muốn chia thành các phần quà đều nhau về số lượng mì, nước và sữa. Em hãy giúp các cô chú chia sao cho số lượng các phần quà là nhiều nhất.**Bài 6:** Để phòng chống dịch Covid - 19. TP Hồ Chí Minh đã thành lập các đội phản ứng nhanh bao gồm 16 bác sĩ hồi sức cấp cứu, 24 bác sĩ đa khoa và 40 điều dưỡng viên. Hỏi có thể thành lập nhiều nhất bao nhiêu đội phản ứng nhanh, trong đó các bác sĩ và điều dưỡng viên chia đều vào mỗi đội.

Bài 7: Học sinh của đội văn nghệ khi xếp thành hàng 2, hàng 3, hàng 4 hoặc hàng 8 đều vừa đủ. Biết số học sinh của lớp đội văn nghệ từ 38 đến 60 em. Tính số học sinh đội văn nghệ.

Bài 8 Số học sinh khối 6 của một trường khi xếp hàng 15, 20, 25 đều thiếu 1 người. Tính số học sinh khối 6 của trường đó biết rằng số học sinh đó chưa đến 400.

Bài 9. Một đơn vị bộ đội khi xếp hàng 10; 12 hoặc 15 đều thừa ra 5 người, biết số người của đơn vị trong khoảng từ 320 đến 400 người. Tính số người của đơn vị đó.

Bài 10. Tính chu vi và diện tích các hình sau:

- Hình chữ nhật có chiều dài 12cm và chiều rộng 8cm .
- Hình vuông có cạnh 6cm .
- Hình thang cân có độ dài hai đáy là 4cm và 10cm , chiều cao 4cm , cạnh bên 5cm .
- Hình thoi có cạnh 5cm , độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm .
- Hình bình hành có độ dài hai cạnh là 10cm và 14cm , chiều cao 8cm .

Bài 11. Cho hình thang cân $ABCD$ có độ dài đáy CD bằng 10cm , độ dài đáy AB bằng một nửa độ dài đáy CD , chiều cao bằng 4cm . Tính diện tích hình thang cân đó.

Bài 12. Một bồn hoa có dạng hình vuông có độ dài cạnh là 2m. Để làm lối đi rộng hơn, người ta thu nhỏ bồn hoa vẫn có dạng hình vuông nhưng độ dài cạnh giảm đi 50 cm.

- Tính diện tích bồn hoa sau khi thu nhỏ.
- Lối đi được tăng thêm bao nhiêu diện tích.



Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Nguyễn Hồng Hà

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN - TIN - CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: TIN HỌC
KHỐI: 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 14:
 - Bài 1: Thông tin và dữ liệu
 - Bài 2: Xử lý thông tin.
 - Bài 3: Thông tin trong máy tính.
 - Bài 4: Mạng máy tính.
 - Bài 5: Internet.
 - Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu.
 - Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên internet.
 - Bài 8: Thư điện tử
2. Một số câu hỏi trọng tâm:
 - Câu 1: Internet là gì? Nêu các đặc điểm và lợi ích của internet?
 - Câu 2: Trình duyệt là gì? Hãy kể tên một số trình duyệt mà em biết?
 - Câu 3: Máy tìm kiếm là gì? Từ khóa là gì?
 - Câu 4: Thư điện tử là gì? Nêu ưu và nhược điểm của thư điện tử?
 - Câu 5: Hãy nêu địa chỉ một số website có nội dung phục vụ việc học tập?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Công cụ nào sau đây không phải là vật mang tin?

- A. Giấy B. Tấm quảng cáo C. Thẻ nhớ D. Xô, chậu

Câu 2. Phát biểu nào sau đây là sai:

- A. Thông tin đem lại sự hiểu biết cho con người
B. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị
C. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người
D. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người

Câu 3. Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận B. Xử lý C. Lưu trữ D. Truyền thông tin

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây không thuộc về máy tính?

- A. Thực hiện nhanh và chính xác B. Lưu trữ lớn
C. Suy nghĩ sáng tạo D. Hoạt động bền bỉ

Câu 5. Một thẻ nhớ 2 GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 8MB ?

- A. 526 ảnh B. 2048 ảnh C. 256 ảnh D. 3072 ảnh

Câu 6. Thiết bị nào sau đây là thiết bị kết nối?

- A. Bộ định tuyến B. Máy in C. Máy tính D. Máy quét

Câu 7: Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. Máy tính và thiết bị kết nối
- B. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng
- C. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối
- D. Máy tính và phần mềm mạng

Câu 8: Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. Nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- B. Người quản trị mạng xã hội.
- C. Người quản trị mạng máy tính.
- D. Một máy tính khác.

Câu 9: Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Trình duyệt web
- B. Địa chỉ web
- C. Công cụ tìm kiếm
- D. Website

Câu 10: Từ khoá là gì?

- A. là từ mô tả chiếc chìa khoá
- B. là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước
- C. là một biểu tượng trong máy tìm kiếm
- D. là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp

Câu 11: Kết quả tìm kiếm thông tin bằng máy tìm kiếm có thể thể hiện dưới dạng:

- A. Âm thanh
- B. Hình ảnh
- C. Video
- D. Tất cả đều đúng

Câu 12: Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có kí tự nào?

- A. &
- B. @
- C. #
- D. \$

Câu 13: Đây là việc em không thể làm với Internet.

- A. Học ngoại ngữ trực tuyến với người nước ngoài.
- B. Nghe nhạc, xem phim trực tuyến.
- C. Chơi đá bóng để nâng cao sức khỏe.
- D. Tìm kiếm tài liệu học tập.

Câu 14: World Wide Web là gì?

- A. Một trò chơi máy tính.
- B. Một phần cứng máy tính.
- C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
- D. Tên khác của Internet.

Câu 15: Để tìm kiếm thông tin về lớp vỏ Trái Đất, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

- A. Trái Đất.
- B. "lớp vỏ Trái Đất".
- C. Lớp vỏ Trái Đất.
- D. "lớp vỏ".



Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Hải Yến

NTCM

Trần Minh Ngọc

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN – TIN – CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ- HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022-2023
MÔN: CÔNG NGHỆ . KHỐI: 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là chế biến thực phẩm? Em hãy kể tên và nêu khái niệm, ưu, nhược điểm của một số phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt và không sử dụng nhiệt?

Câu 2: Vận dụng kiến thức đã học, em hãy lựa chọn và nêu quy trình chế biến món ăn không sử dụng nhiệt ?

Câu 3: Kể tên và nêu vai trò của các nhóm thực phẩm chính cung cấp các chất cần thiết cho cơ thể con người?

Câu 4: Kể tên một số phương pháp bảo quản thực phẩm?

Câu 5: Em hãy nêu các kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam và nêu đặc điểm của các kiểu nhà ở này?

Câu 6: Kể tên các vật liệu được sử dụng trong xây dựng nhà ở và nêu công dụng của chúng?

Câu 7: Thế nào là ngôi nhà thông minh và nó thường bao gồm các hệ thống nào?

Câu 8: Nêu đặc điểm của ngôi nhà thông minh và những lưu ý để sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong gia đình?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1: *Vì sao nước không phải là chất dinh dưỡng nhưng lại có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người?*

- A. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể giúp chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.
- B. Nước là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể.
- C. Giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.
- D. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể, là môi trường cho mọi chuyển hóa và trao đổi chất của cơ thể giúp cơ thể điều hòa thân nhiệt.

Câu 2: *Ăn đúng bữa là ăn mỗi ngày ba bữa chính, các bữa chính cách nhau khoảng:*

- A. 3 giờ.
- B. 7 giờ.
- C. 4 – 5 giờ
- D. Không quy định.

Câu 3: *Muốn cơ thể phát triển một cách cân đối và khỏe mạnh, chúng ta cần có thói quen ăn uống khoa học ra sao?*

- A. Ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo.
- B. Ăn nhiều bữa, ăn đủ chất dinh dưỡng.
- C. Ăn đúng bữa, ăn đúng cách, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, uống đủ nước.

D. Ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm, ăn đúng giờ.

Câu 4: Chất dinh dưỡng nào là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể?

A. Chất tinh bột, chất đường và chất xơ.

B. Chất đạm.

C. Chất béo.

D. Vitamin.

Câu 5: Nêu chức năng dinh dưỡng của chất béo?

A. Là dung môi hòa tan các vitamin.

B. Chuyển hóa một số vitamin cần thiết cho cơ thể.

C. Tăng sức đề kháng cho cơ thể.

D. Cung cấp vitamin.

Câu 6: Nhóm thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều chất đạm?

A. Ngũ cốc, bánh mì, khoai, sữa.

B. Thịt nạc, cá, tôm, trứng.

C. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ.

D. Ớt chuông, cà rốt, cần tây.

Câu 7: Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

A. Sắt.

B. Canxi.

C. Iốt

D. Vitamin A

Câu 8: Những món ăn nào phù hợp buổi sáng?

A. Bánh mì, trứng ốp, sữa tươi.

B. Cơm, thịt kho, canh rau, dưa hấu.

C. Cơm, rau xào, cá sốt cà chua.

D. Cơm, thịt rang, canh.

Câu 9: Món ăn nào dưới đây được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt?

A. Canh cua mồng toi.

B. Trứng tráng.

C. Dưa cải chua.

D. Rau muống luộc.

Câu 10: Nêu biện pháp không đảm bảo an toàn thực phẩm?

A. Rau quả, thịt, cá ... phải mua tươi hoặc ướp lạnh.

B. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.

C. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.

D. Để lẫn lộn thực phẩm sống và đã nấu chín.

Câu 11: Trang phục có vai trò nào sau đây?

A. Che chở cho con người.

B. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.

C. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

D. Che chở cho con người; bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết; góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

Câu 12: Phương pháp bảo quản thực phẩm bằng phương pháp đông lạnh không áp dụng với thực phẩm nào sau đây?

A. Thịt.

B. Cá.

C. Rau củ.

D. Thịt và cá.

Câu 13: Thực phẩm hư hỏng do những nguyên nhân nào?

A. Để thực phẩm lâu ngày.

B. Không bảo quản thực phẩm kỹ.

C. Thực phẩm hết hạn sử dụng.

D. Để thực phẩm lâu ngày, không bảo quản thực phẩm kỹ, thực phẩm hết hạn sử dụng.

Câu 14: Hoạt động phơi khô áo quần ngoài trời sử dụng năng lượng gì?

- A. Điện.
- B. Chất đốt.
- C. Khác.
- D. Mặt trời.

Câu 15: Chúng ta tiết kiệm năng lượng bằng cách?

- A. Tận dụng năng lượng gió
- B. Tận dụng năng lượng mặt trời.
- C. Tận dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời.
- D. Không sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời

Câu 16: Loại thực phẩm nào sau đây cần ăn hạn chế nhất theo tháp dinh dưỡng cân đối?

- A. Muối.
- B. Hoa quả.
- C. Rau củ.
- D. Thịt.

Câu 17: Cách làm nào dưới đây giúp tiết kiệm điện khi sử dụng tủ lạnh?

- A. Cất thức ăn còn nóng vào tủ lạnh.
- B. Hạn chế số lần và thời gian mở cửa tủ lạnh.
- C. Sử dụng tủ lạnh có dung tích lớn cho gia đình ít người.
- D. Không đóng chặt cửa tủ lạnh khiến hơi lạnh thất thoát ra ngoài.

Câu 18: Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là:

- A. Tạo ra nguồn năng lượng sạch.
- B. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.
- C. Tiết kiệm tiền điện
- D. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.

Câu 19: Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

- A. -1°C
- B. Trên 7°C
- C. Từ 1°C đến 7°C
- D. Dưới 0°C

Câu 20: Việc làm nào sau đây cho thấy ăn không đúng cách?

- A. Nhai kỹ.
- B. Vừa ăn vừa xem tivi
- C. Tập trung cho việc ăn uống
- D. Tạo bầu không khí thân mật, vui vẻ trong bữa ăn.



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

PHẦN I: Lí thuyết

Kiểm tra nội dung kiến thức của các bài từ bài 1 đến bài 5

1. Phần văn bản: HS nắm được

- Khái niệm truyện đồng thoại, thơ lục bát,...
- Đặc điểm về PTBD, ngôi kể, lời kể..., đặc điểm của thể thơ lục bát...
- Nắm được nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật của các truyện đồng thoại, các văn bản thơ, biết vận dụng bài học từ các VB vào cuộc sống.

*** Yêu cầu:** *Đọc lại các văn bản, nắm được đặc trưng của từng thể loại văn bản:*

- *Phương thức biểu đạt, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa (đối với văn bản truyện).*

- Phương thức biểu đạt, thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh, nội dung, nghệ thuật, cảm xúc

(đối với các văn bản thơ)

2. Phần Tiếng Việt:

HS nhận biết khái niệm và thực hành nhận diện, sử dụng các đơn vị kiến thức tiếng Việt.

- Từ và nghĩa của từ. Từ đơn, từ phức. Phân biệt từ láy, từ ghép, từ đồng âm, từ đa nghĩa...

- Nhận diện các cụm từ, công dụng của dấu ngoặc kép.

- BPTT: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ.

3. Phần thực hành viết:

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân

Yêu cầu: HS trình bày đúng kiểu bài tự sự

- Giới thiệu được nhân vật tình huống sự việc
- Diễn biến sự việc
- Kết quả suy nghĩ

PHẦN II: Dạng bài tập:

Dạng 1: Trắc nghiệm:

Nhận biết các đơn vị kiến thức phần văn và Tiếng Việt và công dụng của chúng trong các ví dụ.

Dạng 2: câu hỏi đọc hiểu VB:

- Nhận biết thể loại, PTBD, từ ngữ hình ảnh đặc sắc thể hiện nội dung VB, các phép tu từ,.....

- Hiểu và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ

- Hiểu nội dung rút ra được ý nghĩa, thông điệp được thể hiện trong 1 số đoạn văn bản.

Dạng 3: Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân

Phần III: Một số bài tập minh họa:

A. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Nêu đặc điểm của thể thơ lục bát?

Câu 2: Phân biệt từ đồng âm, từ đa nghĩa?

Câu 3: Nêu khái niệm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ? cho ví dụ?

Câu 4: Nêu công dụng của dấu ngoặc kép?

Câu 5: Phân biệt Cụm danh từ, động từ, tính từ.

B. Đọc – Hiểu:

Bài 1: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Mẹ

Lặng rồi cả tiếng con ve,
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kéo cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu,
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia,
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Trần Quốc Minh)

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn ngữ liệu trên.

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn ngữ liệu?

Câu 3. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

“Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Câu 4. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh so sánh “ngọn gió” trong đoạn thơ:

“Đêm nay con ngủ giấc tròn”

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời”

Câu 5: Từ nội dung của ngữ liệu, em hãy rút ra thông điệp ý nghĩa nhất với mình.

Bài 2. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Ru cho mềm ngọn gió thu
Ru cho tan đám sương mù lá cây
Ru cho cái khuyết tròn đầy
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.
Bàn tay mang phép nhiệm màu
Chắt chiu từ những dải dầu đầy thôi.
Ru cho sóng lặng bãi bồi
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu
Ru cho đời nín cái đau
À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ

Câu 3: Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

*Ru cho cái khuyết tròn đầy
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.*

Câu 4: Đọc đoạn thơ, em rút ra những thông điệp nào cho bản thân?

Bài 3: Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

*"Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả dập dờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều*

*Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.*

*Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa..."*

(Trích: "Việt Nam quê hương ta" - Nguyễn Đình Thi)

Câu 1: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt của ngữ liệu?

Câu 2: Xác định các từ láy được sử dụng trong khổ thơ đầu?

Câu 3: Trong câu thơ "Việt Nam đất nước ta ơi", biện pháp tu từ nào đã được sử dụng?

Câu 4: Cách nói "biển lúa" trong "mênh mông biển lúa" có gì đặc biệt?

Câu 5: Ghi lại cảm xúc chủ đạo của tác giả được thể hiện trong đoạn thơ là:

Câu 6: Từ đoạn thơ em cảm nhận được gì về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam?

Câu 7: Là những chủ nhân tương lai của đất nước, em cần làm những gì để góp phần xây dựng đất nước?

Bài 4: Đọc ngữ liệu và trả lời câu hỏi:

*... "Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chở nặng chuyển đồ gian nan!
Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi.
Cha như biển rộng, mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!..."*

(Trích "Ngày của Cha" - Phan Thanh

Tùng)

Câu 1: Xác định thể thơ và PTBD chính của đoạn ngữ liệu?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn ngữ liệu?

Câu 3: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong 2 câu thơ?

“Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chờ nặng chuyển đồ gian nan!”

Câu 4: Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “gian nan” trong đoạn trích trên?

Câu 5: Qua đoạn ngữ liệu, em nhận thấy những tình cảm nào của người cha dành cho con? Từ đó em cần làm gì để thể hiện tình yêu thương với cha mẹ mình?

III. Viết

Đề 1: Gia đình là nơi in dấu bao kỉ niệm thân thương. Em hãy viết bài văn (khoảng 1,5 trang giấy thi) kể về một kỉ niệm của em với gia đình.

Đề 2: Bằng một bài văn (khoảng 1,5 trang giấy thi), hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em với cha hoặc mẹ mình.

Đề 3: Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, niềm tự hào và hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi buồn, nỗi sợ hãi và sự nuối tiếc, ... Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em cũng tự rút ra những bài học để trưởng thành hơn.

Hãy kể lại một trải nghiệm đã trở thành kỉ niệm sâu sắc nhất của em bằng một bài văn khoảng 1,5 trang giấy.



TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Nguyễn Nguyệt Minh



I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 14.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Phần 2: Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Nêu điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại (Trung Quốc, Ấn Độ, Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, La Mã)

Câu 2. Nêu thành tựu văn hóa tiêu biểu của các quốc gia cổ đại (Trung Quốc, Ấn Độ, Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, La Mã)

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa.

Câu 1. Ở Ai Cập, người đứng đầu nhà nước được gọi là

- | | |
|----------------|-----------------|
| A. Pha-ra-ông. | B. En-xi. |
| C. Thiên tử. | D. Thiên hoàng. |

Câu 2. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực dòng sông nào?

- | | |
|------------------|-------------|
| A. Trường Giang. | B. Nin. |
| C. Ti-gơr. | D. Ô-phrát. |

Câu 3. Quốc gia Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại được xây dựng trên nền tảng kinh tế là

- | | |
|--------------------------------|--------------------------------------|
| A. nông nghiệp trồng lúa nước. | B. thủ công nghiệp và thương nghiệp. |
| C. mậu dịch hàng hải quốc tế. | D. thủ công nghiệp hàng hóa. |

Câu 4. Công trình nào dưới đây là một trong bảy kỳ quan thế giới cổ đại?

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| A. Tượng Nhân sư ở Ai Cập. | B. Thành Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà. |
| C. Cổng I-sơ-ta ở Lưỡng Hà. | D. Khu lăng mộ Gi-za ở Ai Cập. |

Câu 5. Công trình nào của cư dân Lưỡng Hà cổ đại được công nhận là kỳ quan thế giới cổ đại?

- | | |
|-------------------|-------------------------|
| A. Tượng Nhân sư. | B. Vườn treo Ba-bi-lon. |
| C. Cổng I-sơ-ta. | D. Khu lăng mộ Gi-za. |

Câu 6. Các công trình kiến trúc ở Ai Cập và Lưỡng Hà thường đồ sộ vì muốn thể hiện

- | | |
|--------------------------------------|-----------------------------|
| A. sức mạnh của đất nước. | B. sức mạnh của thần thánh. |
| C. sức mạnh và uy quyền của nhà vua. | D. tình đoàn kết dân tộc. |

Câu 7. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng thuận lợi cho Ấn Độ phát triển kinh tế

- | | |
|---------------------|-----------------|
| A. thủ công nghiệp. | B. nông nghiệp. |
| C. thương nghiệp. | D. dịch vụ. |



Câu 8. Thời cổ đại, cư dân Trung Quốc tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông lớn là

- A. Nin. B. Ti-grơ và Ơ-phrát.
C. Hằng và Ấn. D. Trường Giang và Hoàng Hà.

Câu 9. Vào năm 221 TCN, ai là người thống nhất Trung Quốc?

- A. Tần Thủy Hoàng. B. Lưu Bang.
C. Tư Mã Viêm. D. Lý Uyên

Câu 10: Điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế nào sau đây?

- A. Nông nghiệp trồng lúa nước
B. Khai thác lâm sản
C. Buôn bán qua đường biển
D. Nông nghiệp trồng các cây gia vị như: hồ tiêu, gừng...

Câu 11. Vạn Lí Trường Thành được người Trung Quốc xây dựng nhằm mục đích gì?

- A. Ngăn chặn các cuộc tấn công từ bên ngoài.
B. Ngăn chặn dòng nước lũ từ thượng nguồn tràn về.
C. Thuận lợi cho việc giao thông đi lại giữa các vùng.
D. Thể hiện sức mạnh của các nhà nước phong kiến.

Câu 12. Một trong những biểu tượng của nền văn minh Trung Quốc là

- A. Vạn Lí Trường Thành. B. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng.
C. Kim chỉ nam. D. Sử kí của Tư Mã Thiên.

2. Bài tập tự luận.

Câu 1: Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự hình thành và phát triển của nền văn minh nơi đây?

Câu 2: Kể tên những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại. Giới thiệu một thành tựu văn minh Trung Quốc cổ đại mà em thích nhất.

Câu 3: Kể tên những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà thời cổ đại. Hãy nêu một số vật dụng / lĩnh vực ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.



TTTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hán Thu Huyền

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 14
2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1. Nêu đặc điểm nội lực và ngoại lực (Nguồn gốc hình thành, biểu hiện, kết quả tác động đến bề mặt trái đất)?

Câu 2. Nêu đặc điểm của dạng địa hình núi và đồng bằng ? Cho ví dụ cụ thể?

Câu 3. Trình bày quá trình hình thành núi?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1. So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

- A. $66^{\circ}33'$ B. $56^{\circ}27'$ C. $32^{\circ}27'$ D. $23^{\circ}27'$

Câu 2. Bề mặt Trái Đất được chia thành mấy khu vực giờ?

- A. 12 khu vực giờ B. 15 khu vực giờ
C. 20 khu vực giờ D. 24 khu vực giờ

Câu 3. Các địa điểm nằm ở cực Bắc và cực Nam có hiện tượng

- A. Ngày, đêm dài 12 giờ B. ngày dài 24 giờ
C. ngày dài hơn đêm D. ngày, đêm dài suốt 6 tháng

Câu 4. Trái Đất chuyển động một vòng quanh Mặt Trời trên quỹ đạo hết bao nhiêu thời gian?

- A. 365 ngày 6 giờ B. 365 ngày 12 giờ C. 365 ngày D. 30 ngày

Câu 5. Lãnh thổ Việt Nam nằm trong địa mảng nào?

- A. Mảng Ấn Độ - Ôxtrâyliya B. Mảng Thái Bình Dương
C. Mảng Á - Âu D. Mảng Phi

Câu 6. Dạng địa hình nào sau đây được hình thành do quá trình ngoại lực?

- A. Hang động caxto. B. Các đỉnh núi cao.
C. Núi lửa, động đất. D. Vực thẳm, hẻm vực

Câu 7. Nấm đá là dạng địa hình được hình thành do tác động của

- A. băng hà. B. gió. C. nước chảy. D. sóng biển.

Câu 8. Một quốc gia được biết đến là nơi thường xuyên xảy ra động đất, núi lửa là

- A. Việt Nam B. Trung Quốc C. Nhật Bản D. Thái Lan

Câu 9. Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?

- A. 3 lớp B. 4 lớp C. 5 lớp D. 6 lớp

Câu 10. Cao nguyên khác núi ở đặc điểm nào?

- A. Độ cao trên 500 m B. Bề mặt bằng phẳng hoặc hơi lượn sóng



C. Có sườn dốc

D. Thuận lợi cho trồng các cây công nghiệp lâu năm

Câu 11. Dựa vào công dụng, khoáng sản được chia thành mấy nhóm?

A. 5 nhóm

B. 4 nhóm

C. 3 nhóm

D. 2 nhóm

Câu 12. Đất đỏ ba dan màu mỡ được hình thành do quá trình phong hóa các sản phẩm phun trào núi lửa tập trung chủ yếu ở khu vực nào của nước ta?

A. Miền núi Tây Bắc

B. Bắc Trung Bộ

C. Tây Nguyên

D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 13. Dấu hiệu trước khi động đất xảy ra không phải là

A. mực nước giếng thay đổi.

B. cây cối nghiêng ngả

C. động vật tìm chỗ trú ẩn.

D. mặt nước có nổi bong bóng.

Câu 14. Ngọn núi được mệnh danh là “Nóc nhà Đông Dương” nằm trên lãnh thổ nước ta có tên là

A. Tây Côn Lĩnh

B. Phan-xi-păng

C. Ngọc Linh

D. Pu Tha Ca

Câu 15. Các khoáng sản như dầu mỏ, khí đốt, than đá thuộc nhóm khoáng sản nào sau đây?

A. Phi kim loại.

B. Nhiên liệu

C. Kim loại màu.

D. Kim loại đen.



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hoàng Thị Liên

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: GDCD

KHỐI: 6

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

- Yêu thương con người,
- Tôn trọng sự thật
- Tự nhận thức bản thân
- Tự lập

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là tự nhận thức bản thân? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện như thế nào?

Câu 2: Thế nào là yêu thương con người? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện lòng thương con người như thế nào?

Câu 3: Thế nào là tôn trọng sự thật? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện điều đó như thế nào?

Câu 4: Thế nào là tự lập? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện tính tự lập như thế nào?



Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Em thấy bạn trang điểm phấn son đi học em sẽ:

- A. khuyên bạn không nên trang điểm vì không phù hợp với lứa tuổi.
- B. không quan tâm vì đó là sở thích của mỗi người.
- C. khen bạn đẹp để bạn vui và yêu quý mình hơn.
- D. nói với cô giáo việc này.

Câu 2: Em thấy mấy bạn sử dụng tài liệu trong giờ kiểm tra, em sẽ:

- A. mách thầy, cô giáo.
- B. khuyên bạn không nên làm như vậy.
- C. bảo bạn cho xem cùng.
- D. kệ bạn vì đó không phải là việc của mình.

Câu 3: Câu ca dao, tục ngữ nào không thể hiện tình yêu thương con người?

- A. Thương người như thể thương thân
- B. Lá lành đùm lá rách
- C. Kính lão đắc thọ
- D. Há miệng chờ sung

Câu 4: Lòng yêu thương con người

- A. xuất phát từ tấm lòng, trong sáng.
- B. xuất phát từ mục đích.

C. hạ thấp giá trị con người.

D. làm những điều có hại cho người khác.

Câu 5: Biểu hiện của tự lập là gì?

A. Luôn làm theo ý mình, không cần nghe ý kiến của người khác.

B. Sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách.

C. Sẵn sàng làm mọi cách để đạt mục đích của mình.

D. Tự mình làm, không hợp tác với người khác trong công việc

2. Bài tập:

Bài tập 1:

Dù mong muốn cố gắng học giỏi nhưng Nga luôn nghĩ rằng đó là điều rất khó với mình bởi theo Nga, những người học giỏi là những người thông minh. Vì vậy, Nga có cố gắng mấy cũng không thể học giỏi được.

Câu hỏi:

a/ Nga suy nghĩ vậy là đúng hay sai? Vì sao?

b/ Nếu là bạn của Nga, em khuyên bạn điều gì?

Bài tập 2:

Nhà Hương ở gần trường nhưng bạn rất hay đi học muộn. Khi lớp trưởng hỏi lí do, Hương luôn trả lời: “Tại bố mẹ không gọi mình dậy sớm”.

Câu hỏi:

a/ Em có đồng tình với Hương không? Vì sao?

b/ Nếu là bạn của Hương thì em sẽ khuyên bạn điều gì?

Bài tập 3:

Lên lớp 6, Thuận cho rằng mình đã lớn nên có thể tự quyết định mọi việc mà không cần hỏi ý kiến của bố mẹ. Có lần Thuận cùng một số bạn trốn bố mẹ để đi chơi xa ở một khu du lịch sinh thái.

a/ Em có đồng tình với Thuận không? Vì sao?

b/ Nếu là bạn của Thuận thì em sẽ khuyên bạn điều gì?



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang



TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ
HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN – KHỐI 6

PHẦN 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

- 1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 14*
- 2. Một số câu hỏi trọng tâm*

- Câu 1:** Cách sử dụng và bảo quản kính lúp, kính hiển vi?
- Câu 2:** Cách đo chiều dài, cách đo khối lượng, cách sử dụng nhiệt kế y tế?
- Câu 3:** Trình bày các thể của chất, sự chuyển thể của chất?
- Câu 4:** Tính chất vật lí, hóa học của khí oxygen. Vai trò của các thành phần trong không khí?
- Câu 5:** Tính chất vật liệu nhựa, kim loại, thủy tinh?
- Câu 6:** Nêu khái niệm nhiên liệu, nhiên liệu hóa thạch?
- Câu 7:** Khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, huyền phù, nhũ tương. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới sự hòa tan các chất?
- Câu 8:** Trình bày đặc điểm của các phương pháp tách chất: lắng, gạn, lọc, cô cạn.
- Câu 9:** Trình bày cấu tạo, chức năng các thành phần của tế bào? Đặc điểm của cơ thể đơn bào, đa bào? Lấy ví dụ về cơ thể đơn bào, đa bào?

PHẦN 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Dạng bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Để xác định thành tích của vận động viên chạy 100m người ta sử dụng loại đồng hồ nào sau đây?

- A. Đồng hồ quả lắc
B. Đồng hồ hẹn giờ
C. Đồng hồ bấm giây
D. Đồng hồ đeo tay

Câu 2: Tế bào thịt quả cà chua có đường kính khoảng 0,55mm. Để quan sát tế bào thịt quả cà chua thì chọn kính hiển vi có độ phóng đại nào dưới đây là phù hợp?

- A. 400 lần B. 40 lần C. 1000 lần D. 3000 lần

Câu 3: Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm?

- A. Ốc to (núm chỉnh thô), núm nhỏ (núm chỉnh tinh).
B. Chân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu.

- C. Thị kính, vật kính
D. Đèn chiếu sáng, gương, màn chắn sáng

Câu 4: Loại bào quan nào sau đây không có ở tế bào động vật?

- A. Ti thể B. Không bào C. Ribosome D. Lục lạp

Câu 5: Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?

- A. Lúa mì. B. Ngô. C. Mía. D. Lúa nước.

Câu 6: Loại vitamin nào sau đây tan trong nước?

- A. Vitamin A. B. Vitamin D C. Vitamin E. D. Vitamin B

Câu 7: Cho các vật liệu sau: nhựa, thủy tinh, gốm, đá vôi, thép. Số vật liệu nhân tạo là

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 8: Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta không dùng biện pháp nào sau đây?

- A. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy. B. Chẻ nhỏ củi.
C. Xếp củi chồng lên nhau, càng sát càng tốt. D. Phơi củi cho thật khô.

Câu 9: Chất nào sau đây tan nhiều trong nước nóng

- A. Muối ăn B. Nến C. Dầu ăn D. Khí carbon dioxide

Câu 10: Hỗn hợp nào sau đây chỉ chứa 1 chất tan?

- A. Nước mắm B. Sữa C. Nước chanh đường D. Nước đường

Câu 11: Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về hình dạng và kích thước của tế bào?

- A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau
C. Các loại tế bào khác nhau thì có hình dạng và kích thước khác nhau.
D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

Câu 12: Một tế bào mẹ sau thực hiện phân chia (sinh sản) liên tiếp 3 lần sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

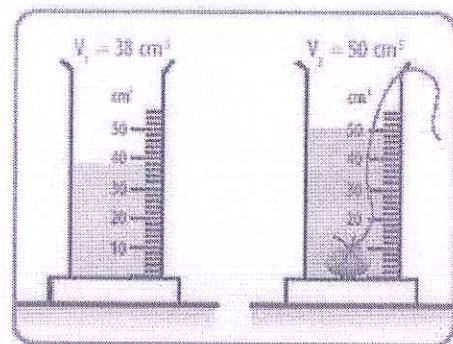
- A. 4 B. 6 C. 8 D. 10

Câu 13: Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu không kiểm soát được quá trình phân chia của tế bào?

- A. Cơ thể lớn lên thành người khổng lồ.
B. Xuất hiện các khối u ở nơi phân chia mất kiểm soát.
C. Cơ thể phát triển mất cân đối (bộ phận to, bộ phận nhỏ không bình thường).
D. Cơ thể vẫn phát triển bình thường.

Câu 14: Hình bên mô tả cách đo thể tích của một vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ. Hãy xác định thể tích của vật rắn trong hình bên.

- A. 38 cm^3 B. 50 cm^3
C. 12 cm^3 D. 21 cm^3



Câu 15: Trên vỏ hộp bánh có ghi khối lượng tịnh 350g. Hỏi trong túi chứa bao nhiêu kg bánh?

A. 3500kg

B. 35kg

C. 3,5kg

D. 0,35kg

2. Dạng bài tập tự luận:

Câu 1: Các bước sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân.

Câu 2: Nêu khái niệm dung dịch, huyền phù, nhũ tương. Cho ví dụ?

Câu 3: Tính chất vật lí của khí oxygen? Vai trò các thành phần của không khí?

Câu 4: Nêu khái niệm nhiên liệu, nhiên liệu hóa thạch. Cho ví dụ?

Câu 5: Trình bày phương pháp để lọc nước từ hỗn hợp lẫn nước và đất, tách dầu ăn ra khỏi nước, tách muối ra khỏi hỗn hợp nước muối.

Câu 6:

a. Trình bày cấu tạo, chức năng các thành phần của tế bào? Đặc điểm của cơ thể đơn bào, đa bào? Lấy ví dụ về cơ thể đơn bào, đa bào?

b. Giải thích các câu hỏi sau:

- Tại sao cần phải bảo quản kính lúp như lau chùi, vệ sinh kính thường xuyên bằng khăn mềm và sử dụng nước rửa kính chuyên dụng (nếu có).

- Tại sao khi di chuyển kính phải dùng cả 2 tay, 1 tay đỡ chân kính, 1 tay cầm chắc chân kính và không được để tay ướt hay bẩn lên mặt kính?

- Tại sao “ tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống”?

- Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau?



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

Tổ trưởng chuyên môn

Đỗ Minh Phượng

A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Phần 1: Trắc nghiệm (5 điểm)

Phần 2: Tự luận (5 điểm)

B. TRỌNG TÂM ÔN TẬP: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 14

*** Nội dung kiến thức:**

- Lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- Di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X: Cổ Loa
- Học sinh Hà Nội góp phần xây dựng Gia đình văn hóa.
- Vị trí địa lí và sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố Hà Nội.

1. Câu hỏi ôn tập:

Câu 1:

- Diện tích tự nhiên của thành phố Hà Nội là khoảng bao nhiêu km²?
- Thủ đô Hà Nội tiếp giáp với những tỉnh nào?
- Tính đến năm 2021, thành phố Hà Nội có bao nhiêu quận, huyện, thị xã?

Câu 2: Thế nào là một gia đình văn hóa? Là một học sinh thủ đô, em nên làm gì và không nên làm gì để góp phần xây dựng gia đình văn hóa?

Câu 3:

- Di tích thành Cổ Loa hiện nay nằm ở huyện nào của thành phố Hà Nội?
- Thành Cổ Loa hiện nay gồm mấy vòng thành?
- Thành Cổ Loa gắn liền với mối tình bi thương và cảm động của ai?
- Cổ Loa được chọn làm kinh đô vào những thời kì nào?

2. Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1: Khi nào cư dân trên vùng đất Hà Nội biết sử dụng đồ đồng và đồ sắt?

- A. Cách đây khoảng 5000 năm
- B. Cách đây khoảng 3000 năm
- C. Cách đây khoảng 2000 năm
- D. Cách đây khoảng 4000 năm

Câu 2: Kể tên các nền văn hóa thời đại đồ đồng, sắt ở Hà Nội.

- A. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun và Đông Sơn
- B. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun
- C. Đồng Đậu, Đông Sơn.
- D. Phùng Nguyên, Gò Mun, Đông Sơn

Câu 3: Kể tên các di chỉ khảo cổ học ở Hà Nội liên quan đến các nền văn hóa thời đại đồ đồng?

- A. Di chỉ Thành Dền, Cổ Loa, Đình Tràng, Vườn Chuối
- B. Di chỉ Cổ Loa, Thành Dền, Vườn Chuối
- C. Di chỉ Đình Tràng
- D. Di chỉ Thành Dền, Đình Tràng.



Câu 4: Có bao nhiêu tiêu chuẩn để xác định là một gia đình văn hóa?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 5: Vùng đất Hà Nội thời Bắc thuộc được gọi bằng những địa danh nào?

- A. Tống Bình, Đại La B. Thăng Long, Hà Nội
C. Thăng Long, Hoa Lư D. Hoa Lư, Cổ Loa

Câu 6: Vào thời kì Bắc thuộc Hà Nội thuộc:

- A. Quận Giao Chỉ B. Quận Cửu Chân
C. Quận Nhật Nam D. Quận Giao Châu

Câu 7: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 90 B. Năm 248 C. Năm 40 D. Năm 367

Câu 8: Khởi nghĩa Lí Bí diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 542 – 544 B. Năm 644 – 654
C. Năm 198 – 224 D. Năm 327 – 330

Câu 9: Khoảng năm 766 -779, Phùng Hưng dựng cờ khởi nghĩa ở đâu?

- A. Đông Anh B. Sóc Sơn
C. Đường Lâm (Sơn Tây) D. Hoa Lư

Câu 10: Năm bao nhiêu di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt?

- A. Năm 2010 B. Năm 2011 C. Năm 2012 D. Năm 2013

Câu 11: Trống đồng Đông Sơn là thành tựu của giai đoạn văn hóa nào?

- A. Giai đoạn văn hóa tiền sử
B. Giai đoạn văn hóa Văn Lang – Âu Lạc
C. Giai đoạn văn hóa thời kì chống Bắc thuộc
D. Giai đoạn văn hóa Đại Việt

Câu 12: Vùng đất nào của Hà Nội được mệnh danh là đất hai vua?

- A. Đường Lâm – Sơn Tây B. Tân Lĩnh – Ba Vì
C. Ngọc Tảo – Phúc Thọ D. Xuân Mai – Chương Mỹ

Câu 13: Tòa thành đất nào cổ nhất, qui mô lớn nhất Đông Nam Á?

- A. Thành cổ Sơn Tây B. Hoàng thành Thăng Long
C. Thành nhà Hồ D. Thành Cổ Loa

Câu 14: Ngày Gia đình Việt Nam là ngày nào?

- A. 18/6 B. 28/6 C. 16/8 D. 26/8

Câu 15: Hà Nội đã trải qua bao nhiêu lần thay đổi phạm vi hành chính?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5



Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

Hoàng Hà My



A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Phần 1: Trắc nghiệm (5 điểm)

Phần 2: Tự luận (5 điểm)

B. TRỌNG TÂM ÔN TẬP: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 14.

*** Nội dung kiến thức:**

- Sở thích và khả năng của em
- Những giá trị của bản thân.
- Tự chăm sóc bản thân.
- Ứng phó với thiên tai
- Sắp xếp nơi ở, góc học tập của e ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Giao tiếp phù hợp.

1. Câu hỏi ôn tập

Câu 1. Em hãy chia sẻ cách ít nhất 4 sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học?

Câu 2. Em hãy nêu ít nhất 4 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng ngăn nắp, khoa học?

Câu 3. Tình huống: Nam đi học muộn nên cổng trường đã đóng. Đang lung túng không biết làm thế nào thì Nam thấy bóng dáng bác bảo vệ. Nam vội gọi bác và nói: “Bác mở cửa nhanh đi, muộn cháu rồi”. theo em cách giao tiếp như Nam là đúng hay sai? Nếu là Nam, em sẽ làm gì?

Câu 4: Kể tên một số loại thiên tai mà em biết. (từ 4 trở lên)

2. Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1. Trường THCS Ngọc Lâm được thành lập năm bao nhiêu?

- A. 1964. B. 1968. C. 1946. D. 1978.

Câu 2. Trong giờ học, chúng ta cần làm gì để tập trung học tập?

- A. Bàn bạc trao đổi liên tục với bạn ngồi cùng.
B. Nghe nhạc bằng tai nghe.,
C. Cô giáo nói cái gì thì ghi ngay cái đó vào vở.
D. Chú ý quan sát, lắng nghe, không làm việc riêng, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ học tập.

Câu 3. Em sẽ làm gì nếu được giao một bài tập/dự án trong học tập thuộc vào điểm yếu của mình?

- A. Xin cô giáo/ thầy giáo đổi cho mình một đề bài/ dự án khác đúng theo sở trường của bản thân.
B. Thử tiếp cận đề bài/ đề tài của dự án theo nhiều cách khác mà trước đây chưa từng thử qua, cố gắng tìm cách để cải thiện tốt nhất hiệu quả làm bài.
C. Tìm cách tránh né bài tập/ dự án hoặc đẩy sang cho bạn khác trong nhóm, trong lớp làm.
D. Nhờ các bạn làm hộ bài tập/ dự án đó.

Câu 4. Khi biết điểm yếu của một bạn trong lớp, em sẽ làm gì?

- A. Chế giễu, đùa cợt điểm yếu của bạn trước các bạn khác.
- B. Em sẽ tránh né, không chơi với bạn và chỉ chơi với những bạn có nhiều điểm mạnh.
- C. Tìm và nhờ, hoặc giao cho bạn những việc liên quan đến điểm yếu này.
- D. Động viên, giúp đỡ bạn không tự ti, không né tránh mà từng bước khắc phục điểm yếu của bản thân.

Câu 5. Mỗi ngày chúng ta cần ngủ bao nhiêu thời gian để có sức khỏe tốt

- A. Ngủ trung bình từ 7 đến 8 tiếng, nghỉ trưa khoảng 30 phút.
- B. Ngủ trung bình từ 8 – 10 tiếng, không cần ngủ trưa.
- C. Ngủ trung bình từ 3 – 4 tiếng, ngủ trưa 2 tiếng.
- D. Ngủ càng nhiều càng tốt cho sức khỏe.

Câu 6. Đây là biểu hiện của cách thức giao tiếp phù hợp?

- A. Chê bai bạn, kẻ xấu người khác.
- B. Có lời nói, thái độ, hành vi phù hợp để tạo sự hài lòng, hoặc tránh làm tổn thương người khác.
- C. Lôi kéo bạn khác cùng trêu bạn.
- D. Mặc kệ bạn, ai có thân người ấy lo.

Câu 7. Em cần làm gì để góc học tập luôn gọn gàng, sạch sẽ?

- A. Thường xuyên sắp xếp sách vở, đồ dùng cá nhân ngăn nắp, gọn gàng, đúng chỗ quy định.
- B. Khi nào ba mẹ kiểm tra hoặc có khách đến nhà thì mới dọn dẹp cho ngăn nắp, sạch sẽ.
- C. Để những vật dùng hay được dùng ở vị trí dễ nhìn thấy, dễ lấy. Còn những thứ ít được dùng có thể sắp xếp ở vị trí nào cũng được.
- D. Để vật dụng khắp mọi nơi để dễ dàng lấy bất cứ lúc nào.



Câu 8. Gần đến kì thi, một số bạn tỏ ra rất lo lắng và căng thẳng. Vậy em sẽ làm gì để giúp đỡ các bạn ấy?

- A. Cho các bạn mượn sách để học.
- B. Khuyến bạn nên đọc truyện cười để bớt căng thẳng.
- C. Chia sẻ kinh nghiệm học tập của mình cho các bạn, khuyến các bạn phải có phương pháp học tập phù hợp để chủ động chiếm lĩnh kiến thức.
- D. rủ các bạn đi chơi đá bóng cho bớt căng thẳng

Câu 9. Em đã rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong lao động và cuộc sống hằng ngày như thế nào?

- A. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng, né tránh những việc khó khăn, nặng nhọc.
- B. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng khi có thời gian.
- C. Chỉ bắt tay vào làm việc khi có hứng thú.
- D. Thường xuyên tự giác tham gia làm việc nhà. Không ngại những việc khó. Luôn cố gắng, kiên trì để hoàn thành mọi công việc đã nhận.

Câu 10. Những việc làm nào sau đây thể hiện mối quan hệ hoà đồng với thầy cô và bạn bè?

- A. Chỉ xin ý kiến hoặc nhờ thầy cô chỉ bảo thêm về những vấn đề liên quan tới việc học tập ở trường lớp.

B. Giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn cả trong và ngoài lớp tùy theo khả năng của mình.

C. Chỉ tham gia hoạt động với các bạn khi được thầy cô yêu cầu.

D. Chỉ chia sẻ, nói chuyện với những bạn chơi thân trong lớp.

Câu 11. Điểm khác biệt cơ bản giữa trường THCS và trường Tiểu học là gì?

A. Trường THCS rộng hơn và đẹp hơn.

B. Trường có nhiều phòng học hơn.

C. Trường có nhiều cô giáo hơn.

D. Trường có nhiều môn học mới, nhiều thầy cô phụ trách các môn học, kiến thức khó hơn.

Câu 12: Em nghe thấy có bạn trong lớp nói bạn A hay nói xấu về em. Khi nghe thấy các bạn trong lớp nói như vậy em sẽ giải quyết như thế nào?

A. Gặp bạn A, tâm sự với bạn để hai người hiểu nhau hơn.

B. Xa lánh và không chơi với A nữa.

C. Tìm ra điểm xấu của A để nói xấu lại bạn.

D. Nhờ một anh lớp trên bắt nạt A cho bỏ tức.



Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

Nguyễn Tú Anh





CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC GSG VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ GSG

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I – LỚP 6
MÔN HỌC TIẾNG HÀN
NĂM HỌC 2022-2023

I. Từ vựng /어휘

BÀI 11. 안녕하세요? XIN CHÀO	저/나: Tôi 네: Vâng 아니요: Không 베트남 사람: Người Việt Nam 한국 사람: Người Hàn Quốc 중국: Trung Quốc 미국: Mỹ 학생: Học sinh 선생님: Giáo viên
BÀI 12: 누구예요? LÀ AI?	친구: Bạn bè 할아버지: Ông 할머니: Bà 아빠: Bố 엄마: Mẹ 형: Anh trai (em trai gọi) 오빠: Anh trai (em gái gọi) 누나: Chị gái (em trai gọi) 언니: Chị gái (em gái gọi) 동생: Em 우리: Chúng tôi, chúng ta
BÀI 13: 이게 뭐예요? CÁI NÀY LÀ CÁI GÌ?	이게: Cái này 저게: Cái kia 그게: Cái đó 뭐/무엇: Cái gì 책: Quyển sách 시계: Đồng hồ 가방: Cái túi 공책: Quyển vở



	연필: Bút chì 필통: Hộp bút 지우개: Cục tẩy 칠판: Cái bảng 이름: Tên
BÀI 14: 네, 포도예요. Vâng, là quả nho	사과: quả táo 딸기: dâu tây 빵: bánh mì 우유: sữa 주스: nước ép 강아지: chó con 곰: con gấu 사자: sư tử 고양이: con mèo
BÀI 15: 여기가 어디예요? ĐÂY LÀ ĐÂU?	학교: trường học 집: Nhà 공원: công viên 수영장: bể bơi 교실: lớp học 동물원: sở thú 화장실: nhà vệ sinh 도서관: thư viện 우체국: bưu điện

II. Ngữ pháp/ 문법

1. DANH TỪ + 이에요/예요: 'Là ...'

이에요 : Sau Danh từ có patchim

예요: Sau danh từ không có patchim

학생 : 학생이에요 (là học sinh)

선생님: 선생님이예요 (là giáo viên)

우유: 우유예요 (là sữa)

2.

-은/는

-이/가

☞ là tiểu từ chủ ngữ (Sau danh từ chủ ngữ của câu)

Câu 8:



A. 연필

B. 필통

C. 지우개

D. 시계

Câu 9:



A. 필통

B. 주스

C. 사과

D. 지우개

Câu 10:



A. 학생

B. 선생님

C. 아버지

D. 의사

Câu 11:



A. 시계

B. 가방

C. 연필

D. 책

Câu 12:



A. 공책

B. 책

C. 연필

D. 의자

Câu 13:



A. 선생님

B. 학생

C. 한국

D. 베트남

Câu 14:



A. 우유

B. 주스

C. 사자

D. 공

Câu 15:



A. 사과

B. 주스

C. 우유

D. 시계

[DIV] Tìm từ không cùng nhóm với những từ còn lại. / 같은 그룹이 아닌 단어를 고르십시오.

Câu 16: A. 한국 사람

B. 베트남 사람

C. 미국 사람

D. 학생

Câu 17: A. 시계

B. 필통

C. 지우개

D. 아버지

Câu 18: A. 공책

B. 할아버지

C. 어머니

D. 할머니

Câu 19: A. 미국

B. 중국

C. 한국

D. 선생님

Câu 20: A. 가방

B. 학생

C. 시계

D. 지우개

Câu 21: A. 형

B. 누나

C. 책

D. 동생

Câu 22: A. 공책

B. 책상

C. 주스

D. 지우개

- Câu 23: A. 감아지 B. 우유 C. 곰 D. 고양이
 Câu 24: A. 필통 B. 사자 C. 시계 D. 공책
 Câu 25: A. 한국 B. 지우개 C. 우유 D. 사과

[DIV] Hãy lựa chọn câu trả lời đúng với câu hỏi. / 잘 읽고 맞는 답을 고르세요.

Câu 26: 이게 뭐예요?

- A. 이게 지우개예요 B. 저게 지우개예요 C. 저게 뭐예요? D. 네, 지우개예요.

Câu 27: 학생이에요?

- A. 아니요, 학생이에요. B. 네, 학생이에요. C. 선생님이에요. D. 네, 선생님이에요.

Câu 28: 저게 뭐예요?

- A. 이게 시계예요. B. 저게 필통이에요. C. 네, 시계예요. D. 아니요, 책이에요.

Câu 29: 그게 시계예요?

- A. 네, 공책이에요. B. 아니요, 책이에요.
 C. 네, 선생님이에요. D. 아니요, 베트남 사람이에요.

Câu 30: 한국 사람이에요?

- A. 네, 한국 사람이에요 B. 학생이에요. C. 네, 선생님이에요. D. 아니요, 아버지예요.

Câu 31: 엄마는 선생님이에요?

- A. 네, 엄마예요. B. 네, 한국 사람이에요. C. 네, 선생님이에요. D. 네, 학교예요.

[DIV] 다음을 보고 알맞은 것에 동그라미를 치세요. (Khoanh tròn vào cái đúng)

32. 민수는 학생 (이에요/예요).
 33. 여기 (은/는) 베트남 학교예요.
 34. 저는 선생님이에요. (선생님 / 학생)이 아니예요.
 35. 우리 오빠는 한국 사람 (이/가) 아니예요.

[DIV] 다음을 보고 한글로 써 보세요 (Viết sang tiếng Hàn)

36. Con mèo _____
 37. Trường học _____
 38. Đồng hồ _____
 39. Công viên _____
 40. Người Việt Nam _____

ĐÁP ÁN:

1. D	2. B	3. C	4. D	5. A	6. A	7. A	8. B	9. D	10. A
11. B	12. B	13. A	14. B	15. C	16. D	17. D	18. A	19. D	20. B
21. C	22. C	23. B	24. B	25. A	26. A	27. B	28. B	29. B	30. A
31. C									

32. 이예요 33. 는 34. 학생 35. 이 36. 고양이 37. 학교 38. 시계 39. 공원 40. 베트남 사람

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH- NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: TIẾNG ANH
KHỐI: 6

I. PART 1: KNOWLEDGE

Vocabulary, Pronunciation and Grammar from Unit 1 to Unit 5

*** Vocabulary**

Words/ Phrases related to the topic in Unit 1,2,3,4,5 (My new school, My house, My friends, My neighbourhood, Natural wonders of Viet Nam)

*** Pronunciation**

- Sounds: /ɑ:/, /ʌ/, /s/, /z/, /b/, /p/, /ɪ/, /i:/, /t/ and /d/
- Word stress of two or three syllable words

*** Grammar**

- Present simple
- Adverbs of frequency
- Possessive case
- Prepositions of place
- Present continuous
- Comparative adjectives
- Countable and uncountable nouns
- Quantifiers: *some, many, much, a few, a little*
- Modal verb: *must/ mustn't*

II. PART 2: EXERCISES

A. Multiple choice

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation

- | | | | |
|--------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|
| 1. A. sc <u>i</u> ssors | B. exc <u>i</u> ting | C. <u>i</u> sland | D. be <u>h</u> ind |
| 2. A. st <u>u</u> dy | B. act <u>i</u> ve | C. furn <u>i</u> ture | D. pl <u>a</u> ster |
| 3. A. w <u>o</u> nder | B. c <u>o</u> mpass | C. br <u>o</u> ther | D. f <u>o</u> rest |
| 4. A. b <u>e</u> ach | B. ch <u>e</u> ap | C. h <u>e</u> avy | D. p <u>e</u> aceful |
| 5. A. sub <u>u</u> rb <u>s</u> | B. rock <u>s</u> | C. kitch <u>e</u> n <u>s</u> | D. templ <u>e</u> s |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in the position of primary STRESS

- | | | | |
|------------------|--------------|--------------|--------------|
| 6. A. desert | B. dislike | C. noisy | D. sofa |
| 7. A. exciting | B. amazing | C. expensive | D. beautiful |
| 8. A. convenient | B. beautiful | C. confident | D. scenery |
| 9. A. outdoor | B. modern | C. decide | D. backpack |
| 10. A. rubber | B. between | C. creative | D. cathedral |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following sentences

11. Do you know the address of _____ house?
A. Mrs. Hoa B. Mrs. Hoas' C. Mrs. Hoa's D. Mrs. Hoa'
12. You _____ put the trash in a bin. You _____ throw it on the street.
A. must /mustn't B. mustn't /must C. mustn't /mustn't D. must /must
13. The Caribbean Sea is _____ than the Mediterranean Sea.
A. more large B. larger C. largeer D. more larger

14. Our teacher _____ strict when he _____ a lesson.
 A. is always - has B. is always - have
 C. always is - has D. always is - have
15. Turn left _____ the traffic lights and the restaurant is _____ your right
 A. in - on B. at - in C. at - on D. on - in
16. Some of her paintings are displayed at the local _____.
 A. art gallery B. museum C. railway station D. square
17. This is a difficult question, so only _____ students can answer it.
 A. many B. a few C. much D. a little
18. _____ David and his friends _____ volleyball right now.
 A. Is/ playing B. Do/ play C. Does/ plays D. Are / playing
19. A city house is _____ than a country house.
 A. more modern B. modern C. more modern D. modern
20. She is an _____ person, so she loves living in big cities.
 A. act B. activity C. action D. active

Circle the letter A,B,C or D to indicate the most suitable response to each of the following exchanges.

21. - "_____. Could you tell me the way to Tan Ky House please?"
 - "Go straight, then turn right."
 A. Certainly B. Excuse me C. Good idea D. Let's go

22. - "Let's go to the cinema this Saturday."
 - "_____ What time can we meet?"
 A. That's fine. B. Oh no! C. Are you sure? D. You're welcome!

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction

23. Is playing games more funny than going for a picnic?
 A B C D
24. There are many visitor in Ha Long Bay every year.
 A B C D
25. You mustn't to take photos when you are in Ho Chi Minh museum.
 A B C D
26. They are healthy. They have exercise every morning.
 A B C D

Circle the letter A,B C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word(s)

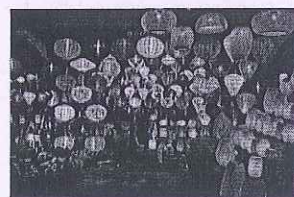
27. Living in a city is more exciting than living in the countryside.
 A. interesting B. peaceful C. crowded D. boring
28. Mai is clever. She learns things quickly and easily.
 A. kind B. caring C. smart D. creative

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s)

29. The streets in my neighbourhood are narrow.
 A. wide B. nosy C. busy D. small
30. Remember to bring an umbrella, as it often rains there.
 A. visit B. dislike C. study D. forget

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

I am going to Hoi An for this summer vacation. The weather in Hoi An is very nice. The people there are really kind (31).....friendly. The ancient town of Hoi An is on the river Thu Bon, more than 30 kilometres to the south (32)Da Nang.



Hoi An is famous for old (33),pagodas, tiled-roof houses and narrow streets. (34).....tourists visit the town every year. They (35).....the beautiful scenery of the river Thu Bon, Cua Dai beach, etc. Hoi An was known as a world heritage site in 1999.

- | | | | |
|------------------|-------------|-------------|------------|
| 31. A. but | B. so | C. and | D. because |
| 32. A. on | B. at | C. under | D. of |
| 33. A. buildings | B. temples | C. offices | D. hotels |
| 34. A. Many | B. Much | C. A little | D. A few |
| 35. A. enjoyed | B. enjoying | C. enjoy | D. enjoys |

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

Mr. Brown is my father's best friend. He is a teacher. He is teaching in a school in London. Every morning, he gets up at 6 o'clock, rides his bike around his neighbourhood as morning exercise. After having breakfast, he leaves for work. The school is far from his home, so he can't go on foot there. He must go by bus. He has lunch at a restaurant nearby. In the afternoon, he works until 5 or 5.30 and then he goes home. He doesn't work on Saturdays or Sundays. He goes to the cinema or theatre. He is married and he has a son. He loves his family. They are very happy.

36. What is Mr. Brown's job?
- | | | | |
|--------------|--------------|-------------|-------------|
| A. a student | B. a teacher | C. a writer | D. a doctor |
|--------------|--------------|-------------|-------------|
37. What does "leaves for" in line 3 mean?
- | | | | |
|-----------|------------|-----------|----------|
| A. run to | B. swim to | C. fly to | D. go to |
|-----------|------------|-----------|----------|
38. How does Mr. Brown travel to work?
- | | | | |
|-----------|-----------|------------|------------|
| A. by bus | B. by car | C. on foot | D. by bike |
|-----------|-----------|------------|------------|
39. According to the passage, which of the following statements is **NOT TRUE**?
- | | |
|----------------------------------|------------------------------------|
| A. He doesn't have lunch at home | C. He doesn't have any son |
| B. He works in a school | D. He does exercise every morning. |
40. What does he do at the weekend?
- | | |
|--------------------------------------|---------------------------|
| A. He teaches his students. | C. He comes back home. |
| B. He goes to the cinema or theatre. | D. He watches television. |

Reorder the words/phrases to make meaningful sentences.

41. do/ You/ before/ must/ to school/ your homework/ going/.

.....

42. The / friendly / are / here / and / helpful / people /.

43. water/ you/ How/ do/ much/ need/?

44. his/ Peter/ school/ like/ new/ Does/?

45. than/ A villa / expensive/ a flat/ more/ is/.

Complete the second sentence so that it means the same as the first.

46. Turn left at the first traffic lights.

Take _____

47. The black coat is smaller than the white one.

The brown coat _____

48. There are three supermarkets in my town.

My town _____

49. The post office is to the left of the house.

The house is _____

50. Shall we go to Ha Long Bay this weekend?

How about _____?

C. Speaking

1. Talk about your best friend.
2. Talk about your house.
3. Talk about what you like and dislike about your neighbourhood.



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn T. Quỳnh Diệp

NTTCM

Nguyễn Ánh Hồng

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)
KHỐI 6

1. Ôn tập 4 bài hát:
 - *Con đường học trò*
 - *Đời sống không già vì có chúng em*
 - *Thầy cô là tất cả*
 - *Những ước mơ*
2. Lí thuyết âm nhạc:
 - Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc
 - Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin
 - Nhịp 4/4
3. Tập đọc nhạc:
 - TĐN số 1
 - TĐN số 2



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn T. Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhàn

Môn: Nghệ thuật (Mĩ thuật) 6

- Em hãy thiết kế một túi giấy đựng quà. Thể hiện trên khổ giấy A4. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy tạo hình một nhân vật 3D từ dây thép.
- Em hãy thiết kế một bộ trang phục trong lễ hội. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.

Ban Giám Hiệu

TTCM

Nhóm trưởng

Người lập



Nguyễn Ngọc Lan

Nguyễn.T. Quỳnh Diệp

Vũ Hồng Tâm

Vũ Hồng Tâm

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I – MÔN THỂ DỤC

NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN THỂ DỤC- KHỐI 6

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung : TTTC Cầu lông

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện hoàn chỉnh các động tác của TTTC môn Cầu lông

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường

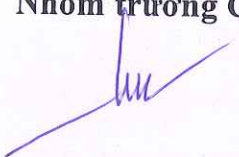

BGH duyệt
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BẾN
HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Lan

Tổ trưởng CM


Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM


Đinh Lý Huỳnh

Họ và tên:.....

Lớp:.....

A – NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Bảng chữ cái Hiragana
2. Bảng biến âm (Âm đục)
3. Số đếm từ 1 đến 40
4. Các câu chào hỏi từ bài 1 đến bài 4
5. Từ mới từ bài 1 đến bài 4

B – BÀI TẬP Củng Cố:

I. Hãy hoàn thiện bảng chữ Hiragana dưới đây:

a	i	u	e	o
ka	ki	ku	ke	ko
sa	shi	su	se	so
ta	chi	tsu	te	to
na	ni	nu	ne	no
ma	mi	mu	me	mo
ha	hi	fu	he	ho
ya		yu		yo
ra	ri	ru	re	ro
wa		wo		n

II. Chọn đáp án đúng nhất:

1. Chìa khóa

A. かぎ	B. かわ	C. かお
2. Hoa hồng		
A. らん	B. ばら	C. はな
3. Tôi		
A. ほか	B. わした	C. わたし
4. Năng		
A. あめ	B. はれ	C. ゆき
5. Con lợn		
A. いぬ	B. ぶた	C. ねこ
6. Tối, đêm		
A. あさ	B. よる	C. ひる
7. Ngón tay		
A. ゆび	B. ゆうび	C. ゆひ
8. Quà đi chơi xa mua về		
A. ごはん	B. もも	C. おみやげ
9. Cơ thể		
A. からだ	B. かざだ	C. からた
10. Cửa ra		
A. でくち	B. でぐち	C. いりぐち
11. Nước		
A. まど	B. みず	C. まず
12. Com		
A. こはん	B. ごはん	C. こばん
13. Tuyết		
A. はれ	B. あめ	C. ゆき
14. Ngon		
A. おいしい	B. あいしい	C. おいしい
15. Cửa vào		
A. でくち	B. いりぐち	C. いりくぢ
16. Con mèo		
A. いぬ	B. うし	C. ねこ
17. Trôi chảy, lưu loát		
A. ぴかぴか	B. へらぺら	C. ぺらぺら
18. Chữ Hán		
A. かたかな	B. かんじ	C. ひらがな
19. Cửa sổ		
A. まち	B. やま	C. まど

20. Ngọt

A. うまい

B. あまい

C. しまい

III. Dịch sang nghĩa tiếng Việt các câu sau đây:

	Tiếng Nhật	Tiếng Việt
1.	ごめんなさい	
2.	おはよう ございます	
3.	こんにちは	
4.	おやすみなさい	
5.	ありがとう ございます	
6.	こんばんは	
7.	はじめまして	
8.	さようなら	
9.	どういたしまして	
10.	すみません	
11.	いただきます	
12.	おなか、いっぱいです	
13.	ごちそうさまでした	

IV. Viết cách đọc các số dưới đây:

1:	18:
2:	19:
3:	20:
4:	21:

5:	25:
6:	26:
7:	27:
8:	29:
9:	30:
10:	32:
13:	37:
14 :	39:
16 :	40:

V. Chuyển các âm sau sang chữ Hiragana

Ga:	Gi:	Gu:	Ge:	Go:
Za:	Ji:	Zu:	Ze:	Zo:
Da:	Ji:	Zu:	De:	Do:
Ba:	Bi:	Bu:	Be:	Bo:
Pa:	Pi:	Pu:	Pe:	Po:

HẾT

Chúc các con ôn tập tốt!
